

Số: 715/BC-UBND

Ngọc Hiên, ngày 01 tháng 10 năm 2021.

## BÁO CÁO

**Giám sát việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Ngọc Hiên**

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Đoàn Giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-ĐGS ngày 14/9/2021 của Đoàn Giám sát Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về giám sát việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiên báo cáo nội dung giám sát, cụ thể như sau:

### **1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện nghị quyết về ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện triển khai thực hiện các Nghị quyết về ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh đến tất cả các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, đồng thời đề nghị các đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các Nghị quyết nêu trên đúng theo quy định.

Công tác xây dựng dự toán thu – chi ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, từ năm 2017 đến năm 2021, luôn căn cứ vào các Nghị quyết về ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện. Trong đó cơ bản thực hiện theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017 và Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia cho các cấp ngân sách tỉnh Cà Mau thời kỳ ổn định 2017 – 2020.

### **2. Tình hình thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, đến các cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách**

Hàng năm, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao dự toán ngân sách cho huyện Ngọc Hiên, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện ban hành các Nghị quyết về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách với các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ. Quy trình, thời



gian lập, phân bổ dự toán chi thường xuyên hàng năm đúng theo quy định và thời gian của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

Về phân bổ dự toán chi đảm bảo về thời gian theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Quy định thời gian báo cáo, phê chuẩn ngân sách địa phương và biểu mẫu báo cáo về tài chính – ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Ủy ban nhân dân cấp huyện giao dự toán đến ngân sách cấp xã chậm nhất ngày 20 tháng 12 năm trước dự toán, thời gian giao dự toán đến các cơ quan, đơn vị cấp huyện. (đơn vị dự toán cấp 1) chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm trước năm dự toán.

### **3. Việc điều hành, bố trí nguồn dự phòng ngân sách**

Việc quản lý và sử dụng nguồn dự phòng ngân sách hàng năm: Thực hiện chi đúng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 10 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, cụ thể: “Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán”.

- Dự toán chi nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2019, số tiền 3.430 triệu đồng, phân bổ từ kết dư ngân sách cho nguồn dự phòng ngân sách là 1.571 triệu đồng, trong năm thực hiện phân bổ chi 1.423 triệu đồng, chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ như: Kinh phí giao nhận tân binh, kinh phí huấn luyện cán bộ khung B, kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ, kinh phí tiêm phòng Vaccine cúm gia cầm,... kinh phí chưa sử dụng còn lại chuyển về kết dư ngân sách cấp huyện là 3.578 triệu đồng.

- Dự toán chi nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2020, số tiền 3.484 triệu đồng, trong năm thực hiện phân bổ chi 2.237 triệu đồng, chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ như: Kinh phí giao nhận tân binh, kinh phí huấn luyện cán bộ khung B, kinh phí tiêm phòng Vaccine cúm gia cầm, kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện,... kinh phí chưa sử dụng còn lại chuyển về kết dư ngân sách cấp huyện là 1.247 triệu đồng.

- Dự toán chi nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021, số tiền 3.485 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2021 thực hiện phân bổ chi 1.696 triệu đồng, chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ như: Hỗ trợ các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, chi cấp thẻ căn cước công dân năm 2021, kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện,... kinh phí còn lại 1.789 triệu đồng.

*(kèm theo Phụ lục 03, Phụ lục 04, Phụ lục 05)*

### **4. Việc bố trí dự toán ngân sách thực hiện mua sắm tài sản tại cơ quan, đơn vị**

Trên cơ sở các văn bản hướng của cấp thẩm quyền, hàng năm huyện bố trí nguồn mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị; đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra về trình tự thủ tục, quyết định mua sắm tài sản đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày



23/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Hàng năm huyện bố trí nguồn mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra về trình tự thủ tục mua sắm tài sản đúng theo quy định, cụ thể:

- **Năm 2019:** Tổng nguồn kinh phí thực hiện mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị là 1.583 triệu đồng, bao gồm:

+ Kinh phí tỉnh bổ sung thực hiện mua sắm phần mềm quản lý tiền lương giáo dục và phần mềm khai thác báo cáo tài chính, với tổng số tiền 500 triệu đồng.

+ Kinh phí mua sắm tài sản theo phương thức tập trung (máy vi tính để bàn, máy tính xách tay), với số tiền 40 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện 15 triệu đồng, ngân sách cấp xã 25 triệu đồng).

+ Kinh phí mua sắm thiết bị giáo dục, thiết bị các phòng họp trực tuyến, thiết bị các trụ sở hành chính, ... với số tiền 1.043 triệu đồng.

- **Năm 2020:** Bố trí nguồn mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị cấp huyện là 500 triệu đồng. Tổng kinh phí thực hiện mua sắm năm 2020 là 887 triệu đồng, bao gồm:

+ Kinh phí mua sắm tài sản theo phương thức tập trung (máy photocopy, máy vi tính để bàn, máy tính xách tay), với số tiền 541 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện 346 triệu đồng, ngân sách cấp xã 195 triệu đồng).

+ Kinh phí mua sắm phần mềm báo cáo tài chính ngành giáo dục, máy in, máy scan, ... với số tiền 346 triệu đồng.

- **Năm 2021:** Bố trí nguồn mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị cấp huyện là 300 triệu đồng. Tổng kinh phí thực hiện mua sắm 6 tháng năm 2021 là 790 triệu đồng, bao gồm:

+ Kinh phí mua sắm tài sản theo phương thức tập trung (máy vi tính để bàn, máy tính xách tay), với số tiền 333 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện 241 triệu đồng, ngân sách cấp xã 92 triệu đồng).

+ Kinh phí mua sắm phần mềm quản lý cán bộ công chức, máy in, máy scan, ... với số tiền 457 triệu đồng.

**5. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện các khoản chi kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2019, năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 (kèm theo Phụ lục 01, Phụ lục 02).**

## **6. Về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn vốn sự nghiệp**

Hàng năm, căn cứ vào số kinh phí giao đầu năm và nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu từ nguồn sự nghiệp kinh tế, huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát lập danh mục, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thống nhất chủ trương thực hiện; đồng thời, chỉ đạo các đơn vị chủ trì thực hiện các công trình quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn vốn sự nghiệp đúng theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC



ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính; Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, huyện còn chủ động chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra giám sát các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các dự án, công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, kiểm tra việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn, tình hình thanh quyết toán để có giải pháp xử lý điều chỉnh hoặc bổ sung danh mục công trình, đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn được giao, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

### **7. Đánh giá khái quát về tình hình phân bổ nguồn vốn**

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hướng dẫn, hỗ trợ của các sở, ngành có liên quan và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị, nên công tác phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị thụ hưởng trên địa bàn huyện được thực hiện đúng thời gian quy định, đúng định mức, tiêu chuẩn, nhiệm vụ chi theo phân cấp, đảm bảo các chế độ chi cho con người và các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo được tính công khai, minh bạch trong phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; đồng thời đối với nguồn vốn tỉnh bổ sung hằng năm từ nguồn sự nghiệp kinh tế, theo đó huyện thực hiện phân bổ chi tiết cho từng dự án, công trình theo đúng quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.

Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm, không chi phát sinh ngoài dự toán (trừ những trường hợp đặc biệt, cấp bách); trong quá trình điều hành ngân sách, huyện tập trung công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm; thường xuyên chỉ đạo kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đơn vị, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, phát huy hiệu quả đầu tư.

### **8. Việc hướng dẫn, lập dự toán, hồ sơ dự án, hạng mục có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp**

Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính và Hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương hàng năm của Sở Tài chính, do đó cấp huyện đã triển khai các văn bản hướng dẫn của cấp trên đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện đảm bảo đúng quy định.

### **9. Việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn sự nghiệp**

Đối với các công trình, dự án trước khi cho chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khảo sát, rà soát tham mưu đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Tổ chức họp lấy ý kiến các ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã để thống nhất thực hiện. Trong quá trình thực hiện, giao Ủy ban nhân dân cấp



xã giao Ban Giám sát cộng đồng giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện các sai phạm nếu có. Chính vì vậy mà trong những năm qua công tác đầu tư sử dụng nguồn vốn sự nghiệp mang lại nhiều hiệu quả tích cực như: đường đất đen ngày càng nhiều góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư bê tông từ nguồn vốn đầu tư công, bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, từng bước hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị; các tuyến đường được chiếu sáng hạn chế tình trạng trộm cướp, mất an toàn khi tham gia giao thông; các công trình cây xanh được đầu tư góp phần xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn huyện; hệ thống kênh mương, cống rãnh được nạo vét kịp thời tránh tình trạng đọng ứ nước ở các khu vực đô thị, khu vực dân cư,...

#### **10. Tình hình thanh quyết toán của các dự án, hạng mục công trình sử dụng vốn sự nghiệp của các đơn vị**

Kinh phí thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất đều có tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể theo Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định như sau:

- Các công trình có mức vốn dưới 500 triệu đồng: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại Quyết định số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp và Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

- Các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định trên, các cơ quan, đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

#### **11. Đánh giá tình hình phân bổ nguồn vốn thời gian qua**

Trong thời gian qua, nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn tỉnh hỗ trợ hàng năm để thực hiện các công trình duy tu sửa chữa các công trình giao thông, Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị, nạo vét cống rãnh khơi thông dòng chảy,... Nhìn chung, việc phân bổ dự toán thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất. Do đó, việc thực hiện phân bổ dự toán được thực hiện kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành trong năm.

#### **12. Những khó khăn, hạn chế trong việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư**



Do nhu cầu đầu tư và phát triển ngày càng lớn, các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị và các tiêu chí đã đạt cần được duy trì, phát triển; trong khi nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư được hỗ trợ hàng năm còn thấp.

### 13. Kiến nghị

Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét tăng định mức phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp huyện, nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới, phát triển kinh tế – xã hội cho địa phương.

Trên đây là báo cáo giám sát việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Ngọc Hiến, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Đoàn Giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét.

*[Handwritten signature]*

#### Nơi nhận:

- Như Kính gửi ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT (H.Em10/21) *[Handwritten mark]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
*[Handwritten signature]*  
Trần Hoàng Lạc





**BẢNG TỔNG HỢP**

**Kết quả phân bổ kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2019, năm 2020 và 6 tháng năm 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 715/BC-UBND ngày 01/10/2021 của UBND huyện)

DVT: Đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			
			Kinh phí phân bổ đầu năm	Kinh phí bổ sung trong năm	Kinh phí năm trước chuyển sang	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>65.726.339.855</b>	<b>900.000.000</b>	<b>61.490.927.000</b>	<b>3.335.412.855</b>	
<b>I</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>16.199.792.149</b>	<b>0</b>	<b>15.643.879.000</b>	<b>555.913.149</b>	
01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	3.130.032.000		2.938.070.000	191.962.000	Cây xanh đô thị
02	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	7.055.420.366		6.705.809.000	349.611.366	Duy tu, sửa chữa
03	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.014.339.783		6.000.000.000	14.339.783	Thủy lợi phí
<b>II</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>25.431.803.287</b>	<b>900.000.000</b>	<b>23.035.740.000</b>	<b>1.496.063.287</b>	
01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	4.052.311.000		2.946.740.000	1.105.571.000	Cây xanh đô thị
02	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	10.170.492.287	900.000.000	8.880.000.000	390.492.287	Duy tu, sửa chữa
03	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2.289.000.000		2.289.000.000		Nhà niệm hương
04	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.000.000.000		1.000.000.000		Chiếu sáng đô thị
05	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.000.000.000		6.000.000.000		Thủy lợi phí
06	Cấp xã	1.920.000.000		1.920.000.000		Duy tu, sửa chữa
<b>II</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>24.094.744.419</b>	<b>0</b>	<b>22.811.308.000</b>	<b>1.283.436.419</b>	
01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	3.206.572.493		3.000.000.000	206.572.493	Cây xanh đô thị
02	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.000.000.000		2.000.000.000		
03	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	7.455.296.694		6.811.308.000	643.988.694	Duy tu, sửa chữa
04	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	409.938.470			409.938.470	Nhà niệm hương
05	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	600.000.000		600.000.000		Duy tu, sửa chữa đường bộ
06	Cấp xã	1.400.000.000		1.400.000.000		
07	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.902.936.762		1.880.000.000	22.936.762	Chiếu sáng đô thị
08	Huyện đoàn	120.000.000		120.000.000		



TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Kinh phí phân bổ đầu năm	Kinh phí bổ sung trong năm	
09	Cấp xã	1.000.000.000		1.000.000.000	Nạo vét cống rãnh thoát nước
10	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.000.000.000		6.000.000.000	Thù lợi phí





**BẢNG TỔNG HỢP**

**Kết quả phân bổ kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2019, năm 2020 và 6 tháng năm 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 715/BC-UBND ngày 01/10/2021 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí được giao	Kết quả thực hiện các khoản chi								Chênh lệch thu chi	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:						Chi các hoạt động khác		
				Chi lĩnh vực nông, lâm nghiệp	Chi lĩnh vực thủy lợi	Chi lĩnh vực giao thông	Chi lĩnh vực tài nguyên, môi trường	Chi lĩnh vực quy hoạch	Chi lĩnh vực kiến thiết thị chính			
<b>TỔNG CỘNG</b>		65.726.339.855	46.132.692.273	0	13.070.845.000	23.692.527.098	0	0	7.087.262.745	2.282.057.430	19.593.647.582	
<b>I</b>	<b>Năm 2019</b>	16.199.792.149	14.690.057.079	0	6.000.668.000	6.664.928.079	0	0	2.024.461.000	0	1.509.735.070	
01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	3.130.032.000	2.024.461.000						2.024.461.000		1.105.571.000	Chuyển nguồn
02	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	7.055.420.366	6.664.928.079			6.664.928.079					390.492.287	Chuyển nguồn
03	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.014.339.783	6.000.668.000		6.000.668.000						13.671.783	Hủy kinh phí thừa
<b>II</b>	<b>Năm 2020</b>	25.431.803.287	24.148.358.868	0	5.999.992.000	11.446.503.593	0	0	4.822.801.745	1.879.061.530	1.283.444.419	
01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	4.052.311.000	3.845.738.507						3.845.738.507		206.572.493	Chuyển nguồn
02	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	10.170.492.287	9.526.503.593			9.526.503.593					643.988.694	Chuyển nguồn
03	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2.289.000.000	1.879.061.530							1.879.061.530	409.938.470	Chuyển nguồn
04	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.000.000.000	977.063.238						977.063.238		22.936.762	Chuyển nguồn
05	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.000.000.000	5.999.992.000		5.999.992.000						8.000	Hủy kinh phí thừa
06	Cấp xã	1.920.000.000	1.920.000.000			1.920.000.000					0	
<b>III</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	24.094.744.419	7.294.276.326	0	1.070.185.000	5.581.095.426	0	0	240.000.000	402.995.900	16.800.468.093	
01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	3.206.572.493	0								3.206.572.493	Đang thực hiện
02	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.000.000.000	120.000.000						120.000.000		1.880.000.000	Đang thực hiện
03	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	7.455.296.694	5.027.095.426			5.027.095.426					2.428.201.268	Đang thực hiện
04	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	409.938.470	402.995.900							402.995.900	6.942.570	Hoàn thành
05	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	600.000.000	554.000.000			554.000.000					46.000.000	Hoàn thành



TT	Đơn vị	Kinh phí được giao	Kết quả thực hiện các khoản chi							Chênh lệch thu chi	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:							
				Chi lĩnh vực nông, lâm nghiệp	Chi lĩnh vực thủy lợi	Chi lĩnh vực giao thông	Chi lĩnh vực tài nguyên, môi trường	Chi lĩnh vực quy hoạch	Chi lĩnh vực kiến thiết thị chính		
06	Cấp xã	1.400.000.000	0							1.400.000.000	Đang thực hiện
07	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.902.936.762	0							1.902.936.762	Đang thực hiện
08	Huyện đoàn	120.000.000	120.000.000						120.000.000	0	Đang thực hiện
09	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.000.000.000	1.070.185.000		1.070.185.000					4.929.815.000	Đang thực hiện
10	Cấp xã	1.000.000.000	0							1.000.000.000	Đang thực hiện





**BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2019**

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Kèm theo Báo cáo số 715/BC-UBND ngày 01/10/2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Hạch toán chi			Phân bổ nguồn chi	Ghi chú
				Chương	Khoản	Tiêu mục		
<b>I</b>	<b>Dự toán</b>		<b>5.000.790.558</b>					
<b>II</b>	<b>Thực hiện chi</b>		<b>1.422.866.000</b>					
01	Ban CHQS huyện	Kinh phí đến thăm Trung đoàn BB3, Lữ đoàn 950	24.000.000	760	011	7799	Quốc phòng	
02	Ban CHQS huyện	Kinh phí phục vụ giao nhận tân binh năm 2019	125.732.000	760	011	7799	Quốc phòng	
03	Ban CHQS huyện	Kinh phí huấn luyện cán bộ khung B năm 2019	512.000.000	760	011	7799	Quốc phòng	
04	Ban CHQS huyện	Kinh phí tuyển sinh quân sự năm 2019, số tiền 6.500.000đ; kinh phí hội thao ngành quân sự, số tiền 67.000.000đ	73.500.000	760	011	7799	Quốc phòng	
05	Ban CHQS huyện	Kinh phí dự lễ tuyên thệ chiến sĩ mới năm 2019	108.600.000	760	011	7799	Quốc phòng	
06	Ban CHQS huyện	Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Viên An Đông, số tiền 20.000.000 đồng; kinh phí tham quan diễn tập, số tiền 22.700.000 đồng	42.700.000	760	011	7799	Quốc phòng	
07	Ban CHQS huyện	Kinh phí hoạt động thu gom bom, đạn và vật liệu nổ trên địa bàn huyện Ngọc Hiến năm 2019	18.549.000	760	011	7799	Quốc phòng	
08	Ban CHQS huyện	Kinh phí huấn luyện Dân quân tự vệ bổ sung kiểm tra bắn đạn thật năm 2019	129.800.000	760	011	7799	Quốc phòng	
09	Ban CHQS huyện	Kinh phí Hội nghị sơ kết cuộc vận động "Quản lý, khai thác VKTBKT tốt, bền an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông" năm 2019	27.500.000	760	011	7799	Quốc phòng	
10	Ban CHQS huyện	Khám sức khỏe tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2020, số tiền 38.500.000 đồng; Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập QĐNDVN, số tiền 18.700.000 đồng	57.200.000	760	011	7799	Quốc phòng	
11	Công an huyện	Kinh phí phục vụ diễn tập và bảo vệ an ninh, trật tự trong diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Viên An Đông	5.000.000	760	041	7799	An ninh	
12	Công an huyện	Tổ chức Hội nghị "Công an lắng nghe ý kiến nhân dân" và đối thoại trực tiếp về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Ngọc Hiến năm 2019	3.500.000	760	041	7799	An ninh	
13	Công an huyện	Hỗ trợ kinh phí đảm bảo ANTT, TTATGT trước, trong và sau Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán năm 2020	100.000.000	760	041	7799	An ninh	
14	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt 1 trên địa bàn huyện	23.000.000	612	341		QLNN	

TT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Hạch toán chi			Phân bổ nguồn chi	Ghi chú
				Chương	Khoản	Tiểu mục		
15	Phòng NN & PTNT huyện	Thực hiện công tác truyền thông về tình hình bệnh dịch tả lợn Châu Phi và tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt 01 trên địa bàn huyện	5.600.000	612	341	-	QLNN	
16	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt 2 trên địa bàn huyện	12.300.000	612	341		QLNN	
17	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống thiên tai năm 2019	7.805.000	612	341		QLNN	
18	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí vận chuyển trang thiết bị phòng chống thiên tai năm 2019	1.520.000	612	341		QLNN	
19	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tiêm phòng Vaccine chó dại	3.200.000	612	341		QLNN	
20	Phòng NN & PTNT huyện	Hỗ trợ kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt 3 năm 2019	12.300.000	612	341		QLNN	
21	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường năm 2019	8.520.000	612	341		QLNN	
22	Phòng NN & PTNT huyện	Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020	50.540.000	612	341		QLNN	
23	Trung tâm y tế	Kinh phí tổ chức khám và phẫu thuật bệnh đục thủy tinh thể	10.000.000	623	132	7799	Y tế	
24	Trung tâm y tế	Kinh phí phun hóa chất chủ động phòng, chống bệnh tay chân miệng tại các trường mẫu giáo và tiểu học trên địa bàn huyện NH	10.000.000	623	132	7799	Y tế	
25	UBND xã Viên An Đông	Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2019	30.000.000	805	011		Quốc phòng	
26	UBND xã Viên An Đông	Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2019 (lần 2)	20.000.000	805	011		Quốc phòng	
<b>III</b>		<b>Kinh phí còn lại</b>	<b>3.577.924.558</b>					





**BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2020**

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

(Kèm theo Báo cáo số 715/BC-UBND ngày 01/10/2021 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Hạch toán chi			Phân bổ nguồn	Ghi chú
				Chương	Khoản	Tiểu mục		
<b>I</b>	<b>Dự toán</b>		<b>3.484.000.000</b>					
<b>I</b>	<b>Thực hiện chi</b>		<b>2.237.436.089</b>					
01	Ban CHQS huyện	Mua phi chứng nhận bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng năm 2020	5.900.000	760	011	7799	Quốc phòng	
02	Ban CHQS huyện	Kinh phí phục vụ giao nhận tân binh năm 2020	102.707.000	760	011	7799	Quốc phòng	
03	Ban CHQS huyện	Kinh phí huấn luyện cán bộ khung B năm 2020	394.500.000	760	011	7799	Quốc phòng	
04	Ban CHQS huyện	Kinh phí dự lễ tuyên thệ chiến sĩ mới năm 2020	79.800.000	760	011	7799	Quốc phòng	
05	Ban CHQS huyện	Kinh phí mua vật chất trưng bày phòng truyền thống lực lượng vũ trang huyện Ngọc Hiến	70.240.000	760	011	7799	Quốc phòng	
06	Ban CHQS huyện	Bổ sung thêm kinh phí huấn luyện cán bộ khung B; tiền ăn dân quân thường trực	100.440.000	760	011	7799	Quốc phòng	
07	Ban CHQS huyện	Kinh phí phúc tra, sắp xếp quân nhân dự bị năm 2020	40.000.000	760	011	7799	Quốc phòng	
08	Ban CHQS huyện	Kinh phí tập huấn Luật Dân quân tự vệ và Luật Dự bị động viên năm 2020	32.900.000	760	011	7799	Quốc phòng	
09	Ban CHQS huyện	Kinh phí khám sức khỏe tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2021	49.900.000	760	011	7799	Quốc phòng	
10	Công an huyện	Kinh phí mở lớp tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy năm 2020	47.500.000	760	041	7799	An ninh	
11	Công an huyện	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư trên địa bàn huyện	30.000.000	760	041	7799	An ninh	
12	Công an huyện	Tổ chức Hội nghị "Công an lắng nghe ý kiến nhân dân" và đối thoại trực tiếp về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Ngọc Hiến năm 2020	5.000.000	760	041	7799	An ninh	
13	Công an huyện	Kinh phí đảm bảo ANTT, TTATGT trước, trong và sau Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán năm 2021	100.000.000	760	041	7799	An ninh	
14	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt I năm 2020	8.800.000	612	341		Quản lý nhà nước	
15	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt I năm 2020	17.815.000	612	341		Quản lý nhà nước	
16	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	306.294.000	612	341		Quản lý nhà nước	
17	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt II năm 2020	6.000.000	612	341		Quản lý nhà nước	
18	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí phục vụ Đoàn Kiểm tra Khu vực 5 thuộc Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Cà Mau	5.800.000	612	341		Quản lý nhà nước	
19	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt III năm 2020	6.000.000	612	341		Quản lý nhà nước	
20	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt II năm 2020	11.920.000	612	341		Quản lý nhà nước	
21	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine chó dại	2.500.000	612	341		Quản lý nhà nước	
22	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt III năm 2020	12.320.000	612	341		Quản lý nhà nước	
23	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt IV năm 2020	6.000.000	612	341		Quản lý nhà nước	
24	UBND thị trấn Rạch Gốc	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	97.133.500	805	341		Quản lý nhà nước	
25	UBND thị trấn Rạch Gốc	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	55.158.500	805	341		Quản lý nhà nước	
26	UBND xã Đất Mũi	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	600.000	805	341		Quản lý nhà nước	
27	UBND xã Đất Mũi	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	1.960.000	805	341		Quản lý nhà nước	
28	UBND xã Tam Giang Tây	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	19.900.000	805	341		Quản lý nhà nước	
29	UBND xã Tam Giang Tây	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	7.303.000	805	341		Quản lý nhà nước	



TT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Hạch toán chi			Phân bổ nguồn	Ghi chú
				Chương	Khoản	Tiểu mục		
30	UBND xã Tân Ân	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	127.753.000	805	341		Quản lý nhà nước	
31	UBND xã Tân Ân	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	48.570.216	805	341		Quản lý nhà nước	
32	UBND xã Tân Ân Tây	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	108.256.992	805	341		Quản lý nhà nước	
33	UBND xã Tân Ân Tây	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	51.716.881	805	341		Quản lý nhà nước	
34	UBND xã Viên An	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	2.000.000	805	341		Quản lý nhà nước	
35	UBND xã Viên An	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	5.523.500	805	341		Quản lý nhà nước	
36	UBND xã Viên An Đông	Kinh phí phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	8.900.000	805	341		Quản lý nhà nước	
37	UBND xã Viên An Đông	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ chăn nuôi do dịch bệnh tả lợn Châu Phi	24.059.500	805	341		Quản lý nhà nước	
38	Trung tâm y tế	Kinh phí loại trừ bệnh phong quy mô cấp huyện năm 2020	23.220.000	623	132	7799	Y tế	
39	Văn phòng HĐND & UBND	Kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Ngọc Hiến (Đến ngày 15/4/2020)	186.605.000	605	341		Quản lý nhà nước	
40	Văn phòng HĐND & UBND	Kinh phí cho hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Ngọc Hiến (lần 2)	26.440.000	605	341		Quản lý nhà nước	
<b>III</b>		<b>Kinh phí còn lại</b>	<b>1.246.563.911</b>					





**BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2021**

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021:

(Kèm theo Báo cáo số 715/BC-UBND ngày 01/10/2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Hạch toán chi			Phân bổ nguồn chi	Ghi chú
				Chương	Khoản	Tiêu mục		
<b>I</b>	<b>Dự toán</b>		<b>3.485.000.000</b>					
<b>II</b>	<b>Thực hiện chi</b>		<b>1.695.704.000</b>					
01	Ban CHQS huyện	Kinh phí tiếp quân nhân xuất ngũ năm 2021	20.000.000	760	011	7799	Quốc phòng	
02	Ban CHQS huyện	Kinh phí làm mái che Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Ngọc Hiến	250.000.000	760	011	7799	Quốc phòng	
03	Ban CHQS huyện	Kinh phí phục vụ giao nhận tân binh năm 2021	193.500.000	760	011	7799	Quốc phòng	
04	Ban CHQS huyện	Hội nghị sơ kết 6 năm thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 giai đoạn 2016 - 2021 và Tổng kết công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2021	6.200.000	760	011	7799	Quốc phòng	
05	Ban CHQS huyện	Kinh phí nghiên cứu, biên soạn công trình "Lịch sử LLVT huyện Ngọc Hiến - 40 năm xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc, giai đoạn 1975 - 2015"	320.000.000	760	011	7799	Quốc phòng	
06	Ban CHQS huyện	Kinh phí tổ chức Hội thi pháp luật về dân quân tự vệ	103.600.000	760	011	7799	Quốc phòng	
07	Ban CHQS huyện	Kinh phí dự Lễ tuyên thệ chiến sĩ mới năm 2021	46.900.000	760	011	7799	Quốc phòng	
08	Ban CHQS huyện	Mua thuốc dự phòng tại khu cách ly tập trung trong phòng, chống dịch Covid-19 của huyện Ngọc Hiến (lần 01)	7.180.000	760	011	7799	Quốc phòng	
09	Công an huyện	Kinh phí cấp thẻ căn cước công dân năm 2021	66.000.000	760	041	7799	An ninh	
10	Công an huyện	Kinh phí cấp thẻ căn cước công dân năm 2021 (lần 2)	50.000.000	760	041	7799	An ninh	
11	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí tiêm phòng vaccine cúm gia cầm đợt I năm-2021	25.100.000	612	341		QLNN	
12	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt 01 năm 2021	9.520.000	612	341		QLNN	
13	Phòng NN & PTNT huyện	Kinh phí thực hiện tiêm phòng Vaccine chó dại năm 2021	2.520.000	612	341		QLNN	
14	Phòng Tài chính - KH	Kinh phí mua sắm 05 giường y tế bố trí phòng điều trị Covid-19 cho cán bộ, công chức, viên chức TTYT	18.000.000	618	341		QLNN	
15	Trung tâm Chính trị	Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị khu cách ly Covid-19 (lần 01)	107.255.000	799	085		Đào tạo	
16	Trung tâm Chính trị	Kinh phí sửa chữa khu cách ly Covid-19 (lần 02)	46.010.000	799	085		Đào tạo	
17	Trung tâm Chính trị	Kinh phí sửa chữa khu cách ly Covid-19 (lần 03)	34.101.000	799	085		Đào tạo	
18	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	Kinh phí sửa chữa khu cách ly Covid-19 (lần 01)	95.300.000	799	075		Đào tạo	



TT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Hạch toán chi			Phân bổ nguồn chi	Ghi chú
				Chương	Khoản	Tiểu mục		
19	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	Kinh phí sửa chữa khu cách ly Covid-19 (lần 02)	43.774.000	799	075	-	Đào tạo	
20	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	Kinh phí sửa chữa khu cách ly Covid-19 (lần 03)	30.896.000	799	075		Đào tạo	
21	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	Kinh phí sửa chữa khu cách ly Covid-19 (lần 04)	14.608.000	799	075		Đào tạo	
22	Trung tâm y tế	Kinh phí thực hiện kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại trường học, chợ, công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	6.400.000	623	132	7799	Y tế	
23	Trung tâm y tế	Kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch Covid-19	8.840.000	623	132	7799	Y tế	
24	UBND thị trấn Rạch Gốc	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	18.000.000	805	341		QLNN	
25	UBND xã Đất Mũi	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	21.000.000	805	341		QLNN	
26	UBND xã Tam Giang Tây	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	18.000.000	805	341		QLNN	
27	UBND xã Tân Ân	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	7.500.000	805	341		QLNN	
28	UBND xã Tân Ân Tây	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	15.000.000	805	341		QLNN	
29	UBND xã Viên An	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	16.500.000	805	341		QLNN	
30	UBND xã Viên An Đông	Kinh phí Tổ phản ứng nhanh khóm, ấp, các Chốt biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19	18.000.000	805	341		QLNN	
31	Văn phòng HĐND & UBND	Hỗ trợ nhiên liệu, hoạt-động cho Ban chỉ đạo phòng, chống Covid-19 trên địa bàn huyện Ngọc Hiến	72.000.000	605	341		QLNN	
32	Văn phòng Huyện ủy	Hỗ trợ lực lượng công an huyện tham gia làm thẻ căn cước công dân	4.000.000	709	351	7799	QLNN	
<b>III</b>	<b>Kinh phí còn lại</b>		<b>1.789.296.000</b>					